

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC**ĐẶC ĐIỂM VỐN TỪ VỰNG CỦA TRẺ EM
TỪ 2 ĐẾN 3 TUỔI****THE FEATURE OF VOCABULARY OF CHILDREN
FROM THE AGE OF 2 TO 3****NGUYỄN THỊ TRÀ MY****(ThS; Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên)****VI THỊ DIỆP****(Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên)**

Abstract: Children from 2 to 3 years old have perceived quite many vocabularies and know how to use them to make sentences to communicate with other people. Not every children at this period; nevertheless, has the same features of vocabulary. Besides the individual's power of linguistic, the process of forming vocabulary of children has been influenced directly by their families, schools and society. By conducting a survey of more than 100 babies (50 boys and 50 girls) from 2 to 3 years old in Thai Nguyen and Lang Son province, our article shows the features of children's vocabulary in the field of quantity and word structures. According to this survey, we want to offer some strategies to help children at this period develop their own vocabulary effectively.

Key words: Childhood language; vocabulary; method; vocabulary development; 2-3 age; gender.

1. Đặt vấn đề

Với trẻ em, ngôn ngữ không chỉ là cơ sở của mọi sự suy nghĩ, là công cụ của tư duy, là phương tiện hữu hiệu nhất giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh mà ngôn ngữ còn có vai trò rất lớn trong việc hình thành, điều chỉnh hành vi và giáo dục cho trẻ những tình cảm thẩm mỹ cao đẹp ngay từ những năm tháng đầu tiên của cuộc đời.

“Vốn từ là một bộ phận trong tập hợp từ vựng của ngôn ngữ. Từ vựng của một ngôn ngữ là cái khách quan, là bộ phận cấu thành một ngôn ngữ. Vốn từ chỉ là bộ phận từ vựng của một cá nhân, một văn bản nào đó hay là của một lĩnh vực nào đó mà thôi” [2;483]. Như vậy, kho từ vựng của một người là tập hợp các từ trong một ngôn ngữ mà người đó quen thuộc (biết tới). Một vốn từ vựng phong phú sẽ trợ giúp cho việc biểu đạt và giao tiếp. Theo Stahl, Steven A, “từ vựng ngôn ngữ đồng nghĩa với từ

vựng tư duy” [16;14]. Trong bài viết này, chúng tôi dùng thuật ngữ “vốn từ vựng” với nội hàm nghĩa tương đương với thuật ngữ “vốn ngôn ngữ” ở mỗi cá nhân. Vốn từ vựng thường xuyên tăng lên theo tuổi tác và là công cụ cơ bản, hữu dụng trong giao tiếp, thu nhận kiến thức. Thực tế cho thấy, việc hình thành vốn từ vựng diễn ra mạnh mẽ nhất trong những năm tháng đầu tiên của cuộc đời, đặc biệt là khi trẻ bắt đầu biết nói và biết giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Thông qua tư liệu thu được từ việc ghi âm, giao tiếp với 100 trẻ, từ 2 đến 3 tuổi (50 bé trai, 50 bé gái), bài viết chỉ ra và phân tích một số đặc điểm cơ bản về vốn từ vựng của trẻ, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm giúp trẻ ở độ tuổi này phát triển vốn từ một cách hiệu quả.

2. Đặc điểm vốn từ vựng của trẻ từ 2 đến 3 tuổi**2.1. Vốn từ vựng xét về mặt số lượng**

Có thể nói, một trong những thành quả quý giá mà trẻ đạt được ở giai đoạn 2 đến 3 tuổi chính là ngôn ngữ. Ở năm đầu tiên, ngôn ngữ của trẻ mang tính “*phi xã hội*” mà người lớn ít hiểu được. Đó là những tiếng phát ra một cách bản năng do các xung lực thần kinh tạo ra. Dần dần bộ não của trẻ phát triển, cơ quan cấu âm được hoàn thiện và nhờ luyện tập theo cách dạy của người lớn mà trẻ đã bắt đầu biết nói. Từ việc nghe người lớn nói, trẻ bắt chước, nhắc lại đến chỗ trẻ biết quan sát việc dùng từ gắn với từng ngữ cảnh để kết hợp các từ với nhau tạo thành những câu mạch lạc. Theo năm tháng, vốn từ vựng của trẻ được hình thành và ngày càng mở rộng để thực hiện các chức năng giao tiếp, tư duy.

Để làm rõ đặc điểm vốn từ cơ bản của trẻ, chúng tôi đã tiến hành quan sát, ghi âm, giao tiếp với 100 trẻ trong và ngoài môi trường lớp học. Theo nghiên cứu [8], trong khi trẻ dưới 1 tuổi thường chỉ có khoảng 5 - 10 từ, trẻ 1 - 2 tuổi có khoảng 150 từ thì trẻ 2 - 3 tuổi lại có vốn từ khá phong phú.

Theo thông kê của chúng tôi, hầu hết trẻ từ 2- 3 tuổi tích lũy được khoảng 1000 từ. Tuy nhiên, cũng có một số trẻ vốn từ chỉ đạt khoảng 200 - 250 từ. Đây là các từ gắn với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của trẻ như: *tên các thành viên trong gia đình, hàng xóm, bạn bè; tên các đồ dùng; tên trường mầm non...*; gắn với các sự vật, hiện tượng có trong môi trường tự nhiên như: *các loại rau, củ, hoa, quả; một số con vật*,

các hiện tượng thời tiết...; gắn với các sinh hoạt xã hội như: *các ngày lễ, Tết; các thứ trong tuần, một số nghề nghiệp, các phương tiện giao thông cơ bản...* Trong vốn từ của trẻ, các từ thuộc về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày chiếm số lượng nhiều nhất sau đó đến các từ gắn với các sự vật, hiện tượng có trong môi trường tự nhiên. Theo chúng tôi, đây là vốn từ gắn với các hoạt động và môi trường (chủ yếu là gia đình, lớp học) mà trẻ được làm quen, tiếp xúc hàng ngày nên có tần số và tỉ lệ cao hơn.

Từ kết quả quan sát, khảo sát, chúng tôi còn nhận thấy trung bình mỗi ngày, trẻ ở giai đoạn 2 - 3 tuổi có thể học thêm khoảng 50 từ mới qua giao tiếp hàng ngày. Tuy nhiên, thường chỉ những từ được trẻ sử dụng lại hai hoặc nhiều lần gắn với các ngữ cảnh giao tiếp mới là nhân tố chính hình thành nên vốn từ vựng của trẻ. Những từ trẻ mới làm quen nhưng không có điều kiện dùng lại thì trẻ cũng dễ dàng quên.

2.2. Vốn từ vựng xét về mặt từ loại

Từ vốn từ chung của trẻ, chúng tôi tiến hành phân tích dưới góc độ từ loại. Qua khảo sát và phân tích chúng tôi thấy: Nếu như vốn từ vựng của trẻ dưới 1 tuổi chủ yếu là danh từ, rất ít động từ, chưa có tính từ và các từ loại khác; cuối năm 2 tuổi trẻ có đầy đủ các từ loại cơ bản như: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, phó từ thì đến cuối năm 3 tuổi, trong vốn từ của trẻ đã có tất cả các từ loại. Điều này được thể hiện qua bảng tổng hợp sau:

Bảng 1: Vốn từ vựng của trẻ từ 2 - 3 tuổi xét về cơ cấu từ loại

Từ loại	Thực từ					Hư từ			Từ loại khác	Tổng số
	Danh từ	Động từ	Tính từ	Đại từ	Số từ	Phụ từ	Tình thái từ	Quan hệ từ		
Số lượng	316	215	55	31	19	48	28	16	272	1000
Tỉ lệ	31,6	21,5	5,5	3,1	1,9	4,8	2,8	1,6	27,2	100

Bảng tổng hợp trên cho thấy, trong khoảng 1000 từ thuộc vốn từ vựng của trẻ từ 2 đến 3 tuổi thì thực từ chiếm số lượng chủ yếu với 306 danh từ, 215 động từ, 55 tính từ, 31 đại từ, 19 số từ. Về hư từ, trẻ từ 2- 3 tuổi biết cách sử dụng 48 phụ từ, 28 tình thái từ và 16 quan hệ từ.

Như chúng ta đều biết, vốn từ được trẻ tích lũy và xâu chuỗi để tạo thành các ngữ, các câu nhằm thực hiện hoạt động tư duy, giao tiếp. Nếu trẻ 2 tuổi thường dùng những cấu trúc ngắn gọn, đơn giản chỉ gồm hai từ, chủ yếu là một danh từ kết hợp với một động từ, hoặc một danh từ kết hợp với một tính từ để nhấn mạnh

như: “Con ngủ.”, “Uống sữa”, “Đi chơi”, “Mẹ bế.”, “Hoa đẹp.”, “Cười tươi.”...thì trẻ 3 tuổi đã biết dùng những câu dài hơn, chẳng hạn: “Mẹ ơi! bế con ngủ khi đi!”; “Thế là ăn xong rồi.”, “Mẹ My yêu ơi! Bế em một tí nào!”, “Không, con không ăn nữa đâu mà.”, “Hải đẹp trai thế!”, “Em với bà đi chơi thôi.”...Hay nói cách khác, ngoài các thực từ cơ bản, trẻ đã biết dùng thêm các từ loại khác, đặc biệt là một số hư từ như tình thái từ, phụ từ, quan hệ từ để làm cho lời nói thêm biểu cảm, gây chú ý với người nghe.

Các đại từ mà trẻ 2 đến 3 tuổi thường sử dụng là đại từ nghi vấn như: *nào, đâu, ai, gì*...Các từ xưng hô mà trẻ sử dụng là đại từ ngôi thứ nhất, số ít: *tớ* và các danh từ chỉ quan hệ thân tộc, ở dạng số ít như: *con, em, anh, chị, bố, mẹ*...Do mỗi quan hệ và phạm vi giao tiếp còn hạn chế nên hầu như trẻ chưa biết sử dụng các đại từ xưng hô “chính thống” theo các ngôi và các đại từ chỉ số nhiều như: *tôi, tao, mày, nó, chúng tôi, chúng tớ, chúng ta, bọn họ, chúng nó, họ, bọn mày*...Về số từ, hầu hết trẻ biết dùng các từ chỉ số lượng và số thứ tự chính xác như: *một, hai, ba, thứ nhất, thứ hai*...các số từ chỉ sự ước lượng, ước chừng như: *vài, dăm, mười, mấy*... hầu như trẻ chưa biết sử dụng. Trẻ ở độ tuổi này thường sử dụng các quan hệ từ đơn như: *và, với, nhưng, vì, nên, cho nên, nếu,*

thì...nhưng ít có khả năng sử dụng các cặp quan hệ từ do khả năng tạo lập các câu mang tính lập luận còn hạn chế.

Như vậy, ở độ tuổi này, trẻ sẽ có khoảng 728/1000 từ thuộc lớp từ chung, thường xuyên sử dụng. Số còn lại (272 từ) chủ yếu là các danh từ riêng gắn với cuộc sống riêng của từng trẻ. Con số trên mang tính chất tương đối bởi trong quá trình tổng hợp vốn từ của trẻ, có những từ mang hai chức năng: vừa là danh từ, vừa là đại từ hoặc vừa là động từ, vừa là phụ từ chúng tôi đã lược bỏ. Những danh từ cụ thể của các loại hoa, quả, bánh, mì, nước...chúng tôi chỉ thống kê những loại tiêu biểu.

2.3. So sánh vốn từ vựng của trẻ từ 2 đến 3 tuổi dưới góc độ giới tính

Ngôn ngữ và giới tính có mối tương tác hai chiều. Quá trình hình thành và sử dụng ngôn ngữ của mỗi người luôn chịu sự chi phối của các nhân tố xã hội trong đó có yếu tố giới tính. Để góp phần làm rõ vấn đề trên, chúng tôi đã tiến hành so sánh vốn từ vựng của bé trai và bé gái từ 2 đến 3 tuổi thông qua một thực nghiệm nhỏ. Chúng tôi đã sử dụng các mẫu vật gắn với những từ ngữ quen thuộc về các chủ đề như: rau, củ, quả; phương tiện giao thông; các loại hoa; con vật nuôi và màu sắc để khảo sát khả năng nhận biết, sử dụng từ của 100 trẻ (50 bé trai, 50 bé gái). Kết quả thu được như sau:

Bảng 2: So sánh vốn từ vựng của trẻ từ 2 đến 3 tuổi qua một số mẫu vật quen thuộc

STT	Tên mẫu vật	Số lượng trẻ nhận biết			
		Bé trai		Bé gái	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Bắp cải	30	60	36	72
2	Cà rốt	23	46	20	40
3	Rau cải (cải xanh)	39	78	41	82
4	Quả hồng	20	40	25	50
5	Dứa	24	48	26	52
6	Lê	13	26	11	22
7	Nho	39	78	43	86
8	Táo	27	54	28	56
9	Đào	19	38	18	36
10	Chuối	46	92	47	94

11	Máy bay	40	80	38	76
12	Xe đạp	40	80	35	70
13	Xe máy	38	76	36	72
14	Ô tô	45	90	38	88
15	Tàu hỏa	17	34	9	18
16	Hoa hồng	5	10	6	12
17	Hoa cúc	5	10	7	14
18	Hoa hướng dương	3	6	3	6
19	Hoa li	3	6	7	12
20	Chó	50	100	50	100
21	Mèo	40	86	42	84
22	Cá	39	78	38	76
23	Gà	45	90	47	94
24	Lợn	42	84	43	86
25	Trâu	37	74	36	72
26	Bò	17	34	12	24
27	Xanh	27	54	28	56
28	Đỏ	16	32	17	34
29	Vàng	9	18	12	24
30	Tím	0	0	2	4

Kết quả khảo sát cho thấy:

Nhìn chung, các trẻ từ 2- 3 tuổi đều có khả năng nhận biết tốt các từ chỉ rau, củ, quả; phương tiện giao thông, loài vật: số lượng trẻ nhận biết các từ thuộc nhóm này là 13 đến 50 bé. Đây là những từ gắn với những sự vật mà trẻ đã được tiếp xúc, làm quen trong cuộc sống hàng ngày và các giờ học trên lớp. Ví dụ: Các từ chỉ loài vật là nhóm từ mà cả bé trai và bé gái đều có khả năng nhận biết tốt nhất. Một số từ chỉ con vật mà hầu hết các bé đều biết là: từ **chó** (100% trẻ đều biết), từ **gà** có 90% bé trai và 94% bé gái biết. Trong vốn từ về các con vật, hầu hết các bé đều khó nhận biết từ **bò** (chỉ có 34% bé trai và 24% bé gái biết từ này)... Có sự chênh lệch trên là do các từ **chó, mèo, gà** gắn với các con vật nuôi trong gia đình mà trẻ thường xuyên được tiếp xúc nên dễ ghi nhớ và sử dụng. Còn những từ như **bò, trâu, cá** ...trẻ thường chỉ được biết qua tranh ảnh, ti vi nên khó ghi nhớ và ít sử dụng hơn.

Số trẻ nhận biết các từ ngữ chỉ các loại hoa và màu sắc lại chiếm số lượng ít hơn, chỉ từ 3 đến 28 bé. Hay nói cách khác, số trẻ có vốn từ

thuộc nhóm này khá thấp: từ 0% đến 56%. Chẳng hạn chỉ có khoảng từ 10 – 12% trẻ biết **hoa hồng** và **hoa cúc**, có 6 % trẻ biết **hoa hướng dương**. Số trẻ biết từ chỉ màu **vàng**, màu **đỏ** cũng chỉ chiếm khoảng 18- 34%. Hầu hết trẻ đều không biết từ chỉ màu **tím**. Vốn từ của trẻ thuộc nhóm này thấp bởi ở độ tuổi từ 2-3, các trẻ ít có điều kiện tiếp xúc thường xuyên với các loại hoa. Khả năng nhận thức và phân biệt về các màu sắc của trẻ ở độ tuổi này còn hạn chế.

Từ góc độ giới tính, trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy vốn từ của bé trai và bé gái ở độ tuổi này cũng có sự chênh lệch nhưng không nhiều. Ví dụ: Các bé trai chưa nhận biết được màu **tím** thì đã có 2 bé gái biết màu này. Nếu số lượng bé trai biết các từ chỉ các phương tiện giao thông nhiều hơn bé gái thì số lượng các bé gái biết các từ chỉ rau, củ, quả và chỉ loài vật thường cao hơn các bé trai. Sự chênh lệch này một phần do bé trai thường được bố mẹ cho tiếp xúc thường xuyên với các đồ chơi “nam tính” như ô tô, máy bay... còn các bé gái có thiên hướng tiếp xúc nhiều hơn với các loại

rau, quả, con vật trong các trò chơi đồ hàng, gia đình.

Qua quan sát, giao tiếp với trẻ và theo nhận xét của các giáo viên, các bé gái thường trả lời tốt hơn và nhớ tên nhanh hơn các bé trai. Ví dụ: Khi cô giáo đọc câu chuyện *Tích Chu* cho các bé lớp 2 tuổi, trường mầm non Hoa Mai, TP. Thái Nguyên nghe, các bé gái thường tập trung hơn vào câu chuyện. Các bé trai thường hay mất tập trung, nghịch ngợm tại chỗ. Đọc xong câu chuyện, cô giáo hỏi: “*Cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì?*”. Cả lớp: “*Chích Chu (Tích Chu)*”. Cô giáo: “*Ài là nhân vật chính của câu chuyện nhỉ?*”. Bé trai: “*Chích Chu (Tích Chu)*”. Bé gái: “*Tích Chu ạ*”. Hay với cùng một câu hỏi, khi cô giáo chỉ vào bức tranh một cô thợ dệt và hỏi: *Đây là ai?* Bé trai: Im lặng. Bé gái: “*Cô gái*”. Cô giáo: “*Các con thấy cô ấy đang làm gì?*”. Bé trai: Im lặng (đợi cô giáo nói). Bé gái: “*Ngồi/ Ngồi ạ*”.

Có thể thấy rằng dù bé gái không biết chính xác câu trả lời nhưng lại nói nhiều và biết lựa chọn từ ngữ thích hợp nhất trong vốn từ của mình để trả lời hơn bé trai. Trong khi lựa chọn các bé học hát, học đóng kịch để diễn trong những ngày lễ, số lượng bé gái được chọn thường nhiều hơn số lượng bé trai. Vì theo các cô giáo, bé gái ở độ tuổi này thường hay nói và có trí nhớ nhạy bén hơn.

3. Biện pháp phát triển vốn vựng cho trẻ từ 2 đến 3 tuổi

Trẻ nói được nhờ nghe người lớn nói và bắt chước. Phát triển vốn từ cho trẻ là việc tổ chức có kế hoạch, có khoa học nhằm cung cấp, làm giàu vốn từ, nâng cao khả năng hiểu nghĩa của từ, củng cố và tích cực hoá vốn từ cho trẻ, giúp trẻ biết vận dụng phù hợp vốn từ đó trong hoạt động giao tiếp. Vì vậy, gia đình và nhà trường cần chú ý và kết hợp nhiều biện pháp giúp trẻ phát triển vốn từ một cách hiệu quả. Biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ từ 2-3 tuổi có thể thực hiện dưới các hình thức giờ học phát triển vốn từ hoặc trong giao tiếp tự do... Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi xin đưa ra một số biện pháp tiêu biểu, để thực

hiện giúp trẻ ở độ tuổi này phát triển tối đa vốn từ vựng.

3.1. Hát và lặp lại các từ mới

Ca hát luôn có sức hấp dẫn đối với trẻ. Trẻ rất hào hứng với những điệu nhạc vui nhộn hay lời bài hát ngộ nghĩnh, vui tươi. Vì vậy, cách đơn giản nhất là hãy dành cho trẻ nhiều cơ hội nghe hát và được hát. Khi đó vốn từ của trẻ sẽ được tích lũy từ những lời hát lặp đi lặp lại đó. Những ấn tượng về lời hát, giai điệu, hình ảnh sẽ giúp trẻ dễ ghi nhớ và nhớ từ ngữ được lâu. Đó là sự ghi nhớ theo phản xạ có điều kiện. Người lớn cần tạo nhiều cơ hội để trẻ được nghe và phải nói đi nói lại từ mới nhiều lần. Đó có thể là tên những bài hát, những câu chuyện hay những lời chỉ dẫn gắn với những ngữ cảnh nhất định. Trong thực tế, đây là biện pháp dễ thực hiện và đem lại hiệu quả rất cao.

3.2. Tổ chức giờ học phát triển vốn từ theo chủ điểm bằng phương pháp nhận biết - tập nói

Đây là biện pháp nhằm hướng dẫn, giúp trẻ nhận biết những đặc điểm, cấu tạo và các hành động gắn với từng sự vật... trên cơ sở đó cung cấp vốn từ vựng tương ứng. Theo [1; 34], với lứa tuổi này, giáo viên nên dạy theo chủ đề, mỗi chủ đề theo 2 loại bài: **Loại 1:** Dạy trẻ từng vật riêng lẻ (dạy trẻ tên gọi của vật, các chi tiết, đặc điểm, cấu tạo, công dụng... của vật và hoạt động của chúng). **Loại 2:** Dạy trẻ ở mức độ khái quát theo từng thể loại. Các bước tổ chức giờ học này như sau: **Bước 1:** Cô chuyển từ hoạt động chơi sang hoạt động học một cách tự nhiên, gây được hứng thú với trẻ. **Bước 2:** Cô giới thiệu vật cần dạy trẻ nhận biết và tập nói một cách ngắn gọn, hấp dẫn bằng các thủ thuật khác nhau (bắt chước tiếng kêu, đoán vật, cho trẻ trực tiếp xúc với vật...). **Bước 3:** Cô hướng dẫn trẻ nhận biết và tập nói theo trình tự: Cô giới thiệu tên gọi của vật (hoặc hỏi trẻ nếu trẻ đã biết vật đó), sau đó giới thiệu các chi tiết, đặc điểm của vật. Cho trẻ nhận biết - tập nói bằng các câu hỏi khác nhau. **Bước 4:** Cùng

cổ: Nhắc lại tên gọi của vật, của các chi tiết, đặc điểm của vật (cho trẻ nhắc lại hoặc cô nhắc lại nếu trẻ chưa nhớ). **Bước 5:** Kết thúc tiết học: Khen trẻ, khéo léo nhắc nhở những trẻ chưa chú ý. Phụ huynh cũng có thể áp dụng biện pháp này để dạy trẻ tại nhà thông qua những mẫu vật cụ thể.

3.3. Phát triển vốn từ của trẻ thông qua trò chơi miêu tả

Miêu tả là phương pháp giúp trẻ phát triển ngôn ngữ đơn giản nhất. Mọi người có thể thực hiện phương pháp này mọi lúc, mọi nơi. Đây là phương pháp sử dụng những gợi ý giúp trẻ tái hiện lại các hình ảnh đã được tiếp xúc để củng cố vốn từ vựng đã được học và nhớ những đặc điểm khu biệt của các từ mới. Để bắt đầu phương pháp này, trước tiên người dạy sẽ làm miêu tả một đồ vật nào đó rồi khuyến khích trẻ làm theo. Phương pháp này có thể được thực hiện như sau: **Bước 1:** Cần chọn đối tượng miêu tả quen thuộc và phù hợp với trẻ. **Bước 2:** Người dạy cần phải miêu tả chính xác đối tượng. Trong khi miêu tả cần chú ý tới những nét khu biệt với những đối tượng khác để trẻ dễ hình dung, dễ nhớ qua các câu hỏi. Ví dụ: *Con gì có đôi tai dài và thích ăn cà rốt? Con gì có cánh bay ở trên trời nhỉ?...* **Bước 3:** Khi trẻ chưa đoán được đối tượng miêu tả, người dạy có thể đưa ra đáp án nhưng phải yêu cầu bé nhắc lại vài lần để ghi nhớ. **Bước 4:** Ôn tập: Sau vài giờ, yêu cầu trẻ miêu tả lại từ vừa học hoặc thỉnh thoảng người dạy cần miêu tả lại để kiểm tra sự tiếp thu của trẻ. Trong khi dạy, người lớn cũng cần chú ý đến đặc điểm giới tính để cung cấp cho các bé vốn từ vựng một cách phù hợp, cân bằng.

3.4. Phát triển vốn từ của trẻ thông qua giờ kể chuyện

Thông qua các câu chuyện kể ở lớp, trẻ sẽ cảm thấy sự thích thú với những điều diệu kỳ diệu mà câu chuyện mang đến. Trẻ sẽ tiếp thu được nhiều từ mới và cách sử dụng chúng. Để phát triển từ vựng tối đa của trẻ thông qua giờ kể chuyện, chúng tôi xin đưa ra một số

bước đã được cụ thể hóa qua một ví dụ dưới đây: Giờ kể chuyện “Quả trứng”: **Bước 1: Gây hứng thú cho trẻ.** Ví dụ: Trước khi kể chuyện, cô giáo có thể cho trẻ chơi một trò chơi liên quan đến các con vật để giúp trẻ tập trung vào giờ kể chuyện hơn. **Bước 2: Cô kể chuyện thật diễn cảm,** nhấn mạnh ở các từ, câu có tiếng kêu của các con vật bằng cử chỉ, điệu bộ giúp trẻ dễ nhớ và hình dung. Sau đó, cô trò chuyện với trẻ về nội dung chuyện qua các câu hỏi về nội dung câu chuyện. **Bước 3: Cô cho trẻ nghe lại câu chuyện kết hợp với tranh vẽ và trò chuyện** về diễn biến của truyện bằng các câu hỏi như: *Cô vừa kể cho các con câu chuyện gì nhỉ? Trong câu chuyện có những nhân vật nào? Con gì nhìn thấy quả trứng trước? Hãy tìm cho cô bức tranh vẽ hình quả trứng nào? Thấy quả trứng, gà trống đã làm gì? ...* **Bước 4: Cô kể lại câu chuyện để trẻ nhắm theo cô.** Trong khi kể chuyện, cô giáo cần phải nhấn mạnh những từ khó đọc và tập trung hỏi vào những từ bé đã biết để trẻ củng cố vốn từ và bổ sung thêm từ mới. **Bước 5: Cho trẻ kể lại chuyện có sự giúp đỡ của cô giáo.** Nếu trẻ phát âm không đúng, mắc lỗi sai trong cách dùng từ, kể lại sai sự kiện thì cô giáo phải sửa ngay cho trẻ. **Bước 6: Kết thúc giờ học bằng một bài hát có liên quan.** Cô có thể cho trẻ hát bài “Đố quả” trong đó có câu: “Quả gì mà da cứng cứng? – Xin thưa rằng quả trứng...” để trẻ nhớ lại và hình dung về câu chuyện mình vừa học. Trong quá trình thực hiện phương pháp trên, giáo viên cần giúp trẻ tập trung và chú ý tới các câu trả lời của bé trai và bé gái. Nếu nhận thấy có sự chênh lệch trong vốn từ vựng hay các lỗi trong lời nói của bé trai và bé gái thì phải tích cực quan tâm để trẻ phát triển đồng đều.

4. Kết luận

Có thể thấy, việc phát triển vốn từ ở giai đoạn 2 đến 3 tuổi là bước ngoặt đặc biệt quan trọng trong sự phát triển ngôn ngữ và nhận thức ở trẻ. Bởi đây là giai đoạn trẻ bắt đầu chuyển từ môi trường gia đình sang làm quen

và sống trong môi trường tập thể - lớp học. Thông qua những kết quả khảo sát bước đầu, bài viết đã phân nào chỉ ra và lí giải được những đặc điểm cơ bản về vốn từ vựng của trẻ từ 2 đến 3 tuổi về mặt số lượng và từ loại. Theo đó, vốn từ vựng của trẻ đã phát triển vượt bậc về số lượng so với độ tuổi trước do não bộ đã phát triển hơn, cơ quan cấu âm khá hoàn thiện và môi trường giao tiếp của trẻ được mở rộng. Vốn từ vựng khá phong phú về mặt từ loại đủ để phục vụ cho hoạt động giao tiếp và tư duy bước đầu của trẻ. Trên cơ sở đó, bài viết cũng đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm giúp trẻ phát triển vốn từ vựng ở giai đoạn này. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chúng ta cần lưu ý: sự phát triển ngôn ngữ ở mỗi trẻ là không đồng đều, khả năng hiểu từ vựng ở mỗi trẻ cũng không hoàn toàn giống nhau. Do đó, khi lựa chọn, áp dụng những biện pháp phát triển vốn từ của trẻ cần phải chọn những biện pháp dễ thực hiện, dễ áp dụng cho trẻ cũng như người dạy. Đặc biệt, việc phát triển vốn từ cho trẻ phải được thực hiện đồng thời với việc giúp trẻ luyện cách phát âm chuẩn, học ngữ pháp và tập diễn đạt một cách mạch lạc. Có như vậy mới giúp trẻ phát huy tối đa năng lực ngôn ngữ song song với việc hình thành, phát triển trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ và thể lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Thị Hà Bắc (2013), *Lí luận và phương pháp phát ngôn ngữ cho trẻ em*, Nxb Đại học Huế.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
3. Lưu Thị Lan (1996), *Tìm hiểu những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1-6 tuổi*, Luận án Phó tiến sĩ KH Ngữ văn. Trường Đại học Sư phạm HN.
4. Nguyễn Xuân Khoa (2003), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội.
5. Đinh Hồng Thái (2011), *Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.
6. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Trần Thị Ánh Tuyết (2008), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2008), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non (Từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Carol Vukelich, James Chrisie, Billie Jean Enz (2011), *Helping young children learn language and literacy: Birth through kindergarten* (3rd Edition).
9. Cindi Gaulin (2001), *Language processing problems*, Xlibris, Corp.
10. Clare Painter (2005), *Learning through language early childhood*, Continuum.
11. J. Piaget và L.S. Vygotski (1963), *Thought and language*, Cambridge.
12. Linda L. Carly (1990), *Gender, language and influence*, Journal of personality and social psychology.
13. Mary Renck Jalongo (2009), *Early childhood language arts 6th Edition*, Allyn & Bacon.
14. Robert E. Owens Jr (2011), *Language development: An introduction* (8th Edition), Allyn & Bacon Communication Sciences and Disorders.
15. Patricia McAleer Hamaguchi (2010), *Childhood speech language and listening problems* (3rd Edition), Wiley.
16. Stahl, Steven (1999), *A. vocabulary development*. Cambridge: Brookline Books, p. 3. "The Cognitive Foundations of Learning to Read: A Framework", Southwest Educational Development Laboratory, p. 14.
17. Susie Loraine, M.A., CCC-SLP, *Vocabulary development*, http://www.superduperinc.com/handouts/pdf/149_VocabularyDevelopment.pdf

(Ban Biên tập nhận bài ngày 24-06-2014)